

Phụ lục I

TỔNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 305/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng cộng				Dự kiến giai đoạn 2026 - 2030												Ghi chú
						Chi tiết												
		Kinh phí			Xi măng (tấn)	Phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030			Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ					Dự kiến ngân sách cấp xã đối ứng				
									Kinh phí			Xi măng (tấn)	Nguồn vốn lồng ghép*					
		Tổng	Đầu tư phát triển	Kinh phí thường xuyên		Tổng	Đầu tư phát triển	Kinh phí thường xuyên	Tổng	Đầu tư phát triển	Kinh phí thường xuyên							
	TỔNG	7.941.548	5.865.317	2.076.230		500.000	3.403.540	2.442.730	960.810	1.953.226	1.054.000	899.226	500.000	1.803.790	780.992	564.797	216.194	
I	Cấp tỉnh	177.828		177.828		96.081		96.081	81.747		81.747							
II	Cấp xã	7.763.720	5.865.317	1.898.402	500.000	3.307.459	2.442.730	864.729	1.871.479	1.054.000	817.479	500.000	1.803.790	780.992	564.797	216.194		
	Trong đó:																	
-	Xã	7.723.986	5.865.317	1.858.669	500.000	3.307.459	2.442.730	864.729	1.848.000	1.054.000	794.000	500.000	1.803.790	764.737	564.797	199.940		
-	Phường	39.733		39.733					23.479		23.479			16.254		16.254		

* Lồng ghép từ Chương trình hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 (vốn đầu tư phát triển).

